TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2018
"*V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Bà **Nguyễn Thị Hiếu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/ TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Ngọc T**, sinh năm 1996 *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1991 *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai chị Trương Ngọc T trình bày*:

+ Về hôn nhân: Vào ngày 24/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 21/01/2017 dương lịch)

chị T và anh Trần Văn L có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 28/3/2017 dương lịch. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẩn do anh L chỉ lo chơi bời, không quan tâm vợ con trong khi chị T đang mang thai, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm xảy ra cự cãi và đã ly thân với nhau từ ngày 17/4/2017 dương lịch đến nay. Hiện tại chị T đang sống cùng với cha mẹ ruột của chị ở ấp B, xã L, huyện H. Nay xét thấy mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin được ly hôn với anh Trần Văn L.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh L có với nhau 01 người con chung tên Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017, hiện nay cháu Tường M đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Vào ngày cưới cha mẹ chồng có cho chung vợ chồng 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k tổng trọng lượng là 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Toàn bộ số vàng này khi vợ chồng ly thân chị T đã giao lại cho anh L quản lý. Nay ly hôn chị T yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng này với anh L.

+ Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, chị T thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu được hưởng toàn bộ đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ. Đối với số vàng còn lại chị T vẫn giữ yêu cầu được chia đôi với anh L.

- Bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh L thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới và thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi. Tình hình ngày càng trầm trọng và cha mẹ anh có mời cha mẹ vợ qua để hai bên nói chuyện thì cha mẹ vợ của anh bênh vực vợ anh và cự cãi với cha mẹ ruột của anh, sau đó thì rước vợ anh về bên nhà cha mẹ vợ ở vào ngày 25/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 21/4/2017 dương lịch) đến nay. Hiện nay vợ anh chị Trương Ngọc T xin ly hôn với anh thì anh đồng ý vì xét thấy tình cảm giữa anh và chị T hiện nay đã không còn.

+ Về con chung: Anh L không đồng ý việc chị T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng anh có với nhau 01 người con chung tên Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017. Anh L xác định cháu Trần Ngọc Tường M không phải là con chung của vợ chồng anh vì anh và chị T tổ chức đám cưới vào ngày 24/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 21/01/2017 dương lịch) nhưng khi vợ chồng anh ly thân vào ngày 25/3/2017 âm lịch thì vợ anh đã có thai được khoảng 07 tháng nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Anh L đồng ý giao cháu Trần Ngọc Tường M cho chị T nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Anh L xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k trọng lượng là 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng

lượng 0,5 chỉ. Số vàng này vợ chồng anh được cha mẹ ruột anh cho trong ngày cưới. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Anh L xác định trước khi vợ chồng ly thân, chị T đã giao lại cho anh quản lý toàn bộ số vàng cưới này. Hiện nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý chia đôi 05 chỉ vàng 18k (gồm có 09 chiếc vòng vàng 18k tổng trọng lượng là 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ) với chị T. Anh L không đồng ý cho chị T được hưởng toàn bộ đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ và không đồng ý chia đôi 10 chỉ vàng 24k vì 10 chỉ vàng 24k này anh đã bán để mua vật liệu xây dựng căn nhà cho vợ chồng nhưng chưa kịp xây dựng thì vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

+ Về nợ chung: Anh L xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị T và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/3/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L đều mong muốn ly hôn nên cần ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị T và anh L.

+ Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có một người con chung tên Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/07/2017 nhưng anh L thì không thừa nhận cháu M là con chung của vợ chồng nhưng anh L không có gì để chứng minh và cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định AND đối với cháu Tường M. Do đó căn cứ vào Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình xác định con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung, xét thấy hiện tại cháu Tường M dưới 36 tháng tuổi và đang sống chung với chị T nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Tường M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Tường M mỗi tháng 650.000 đồng, xét thấy cháu Tường M là con chung của anh L và chị T nên việc chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Tường M mỗi tháng 650.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về tài sản: Chị T và anh L thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng gồm 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k tổng trọng lượng 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ. Trước khi vợ chồng ly thân chị T giao lại cho anh L quản lý toàn bộ số vàng này. Nay chị T yêu cầu chia số vàng trên theo quy định của pháp luật anh L không đồng ý do anh đã bán 10 chỉ vàng 24k để mua vật liệu xây nhà. Xét thấy số vàng trên là tài sản chung của vợ chồng, việc anh L bán 10 chỉ vàng 24k là sau khi chị T giao toàn bộ số tài sản này cho anh L giữ và việc anh L bán số vàng trên cũng không thông báo hay bàn tính gì với chị T nên căn cứ Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Do đó có cơ sở chấp nhận

yêu cầu chia tài sản chung của chị T, chia đôi số vàng gồm 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k tổng trọng lượng 4,5 chỉ. Riêng đôi bông tai vàng 18k trong lượng 0,5 chỉ chị T được hưởng là có cơ sở. Vì vậy cần buộc anh L giao lại cho chị T 05 chỉ vàng 24k, 2,25 chỉ vàng 18k và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L. Về con chung tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc và buộc anh L mỗi tháng cấp dưỡng nuôi cháu Tường M số tiền là 650.000 đồng cho đến khi cháu Tường M đủ 18 tuổi. Chia cho anh L và chị T mỗi người 05 chỉ vàng 24k và 2,25 chỉ vàng 18k. Buộc anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T 05 chỉ vàng 24k và 2,25 chỉ vàng 18k cùng đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ. Ngoài ra chị T và anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Trương Ngọc T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung với bị đơn anh Trần Văn L. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã L, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

- *Về nội dung vụ án:*

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Ngọc T và anh Trần Văn L, thấy rằng: Chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 28/3/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị T và anh L thường xuyên bất đồng quan điểm xảy ra cãi vã và đã ly thân từ tháng 04 năm 2017 đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân cả anh L và chị T đều không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung giữa anh chị không tồn tại và qua các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa cả chị T và anh L đều mong muốn được ly hôn với nhau. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan hệ con chung giữa chị T và anh L: Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017. Về phía anh L không thừa nhận cháu Trần Ngọc Tường M là con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2017 (BL 26) Tòa án có hỏi ý kiến của anh L có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định xem cháu Trần Ngọc Tường M có phải là con chung của anh L và chị T hay không thì anh L từ chối không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Theo quy định tại Điều 88 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 thì "*Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng…*". Căn cứ vào giấy chứng sinh của cháu Trần Ngọc Tường M và giấy chứng nhận kết hôn giữa chị T và anh L thì cháu Trần Ngọc Tường M được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh L và chị T. Do anh L không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định cháu Tường M có phải là con chung của anh và chị T hay không nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định cháu Trần Ngọc Tường M là con chung của chị T và anh L.

[4] Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung là cháu Trần Ngọc Tường M và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi cháu Tường M đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh L đồng ý giao cháu Tường M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc khác, hiện nay cháu Tường M dưới 36 tháng tuổi và đang sống chung với chị T nên việc tiếp tục giao cháu Tường M cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, thấy rằng: nghề nghiệp của anh L hiện nay là làm ruộng, anh L không xác định được mức thu nhập thực tế hàng tháng của anh hiện nay là bao nhiêu, tuy nhiên theo hướng dẫn của Công văn số 24/1999/CV-KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao thì người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1/2 mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định. Và theo Điều 3 Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ, mức lương tối thiểu chung được áp dụng hiện nay là 1.300.000 đồng/tháng. Như vậy việc chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Tường M mỗi tháng 650.000 đồng (bằng 1/2 mức lương tối thiểu) cho đến khi cháu Tường M đủ 18 tuổi là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Xét quan hệ tài sản giữa chị T và anh L thấy rằng: Chị T và anh L thống nhất xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k tổng trọng lượng 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác. Đồng thời anh L và chị T cũng thống nhất xác định khi vợ chồng ly thân chị T đã giao lại toàn bộ số vàng này cho L quản lý. Xét thấy, đây là các tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Nay ly hôn chị T yêu cầu được hưởng toàn bộ đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ và yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k cùng 09 chiếc vòng vàng 18k trọng lượng 4,5 chỉ. Về phía anh L đồng ý chia đôi 09 chiếc vòng vàng 18k trọng lượng 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ, không đồng ý cho chị T được hưởng toàn bộ đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ và không đồng ý chia đôi 10 chỉ vàng 24k do anh đã bán 10 chỉ vàng 24k để mua vật liệu xây dựng căn nhà cho vợ chồng. Tuy nhiên căn nhà này trên thực tế vẫn chưa được xây dựng.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy, theo phong tục táp quán tại địa phương vào ngày cưới cha mẹ chồng sẽ cho riêng cô dâu đôi bông tai đồng thời tại phiên tòa anh L cũng thừa nhận đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ chị T được cha mẹ anh cho riêng trong ngày cưới nên việc chị T yêu cầu được hưởng toàn bộ đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18k là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng, anh L không đồng ý chia đôi với chị T do anh đã bán số vàng này để mua vật liệu xây dựng căn nhà cho vợ chồng nhưng kịp xây dựng thì vợ chồng đã ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận. 10 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng anh L, chị T nên việc định đoạt đối với tài sản này phải được sự đồng ý của vợ chồng. Anh L thừa nhận khi anh bán 10 chỉ vàng 24k thì vợ chồng anh đã ly thân và anh không thông báo cho chị T biết. Việc anh L không bàn bạc với chị T mà tự ý bán số vàng này là ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T. Hơn nữa, căn nhà mà anh L dự định xây dựng cho vợ chồng từ tiền bán 10 chỉ vàng 24k cũng chưa được xây dựng trên thực tế do đó căn cứ vào nguyên tắc chia đôi tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị T yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đối với 09 chiếc vòng vàng 18k trọng lượng 4,5 chỉ là tài sản chung của vợ chồng, chị T yêu cầu chia đôi và anh L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này giữa chị T và anh L.

[10] Do anh L quản lý toàn bộ 10 chỉ vàng 24k, 09 chiếc vòng vàng 18k trọng lượng 4,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ trước khi vợ chồng ly thân nên cần buộc anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T 05 chỉ vàng 24k, 2,25 chỉ vàng 18k cùng đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 0,5 chỉ là cần thiết, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng anh Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Trương Ngọc T phải nộp số tiền là 1.300.000 đồng và anh Trần Văn L phải nộp số tiền là 1.230.500 đồng.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Ngọc T và anh Trần Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2017 giữa chị Trương Ngọc T và anh Trần Văn L do Ủy ban nhân dân xã L cấp ngày 28/3/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017 cho chị Trương Ngọc T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Trần Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Ngọc Tường M, sinh ngày 13/7/2017 mỗi tháng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu Trần Ngọc Tường M đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa tuyên án.

Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung:

Chia cho chị Trương Ngọc T và anh Trần Văn L mỗi người 05 chỉ vàng 24k và 2,25 chỉ vàng 18k.

Buộc anh Trần Văn L giao lại cho chị Trương Ngọc T 05 chỉ vàng 24k, 2,25 chỉ vàng 18k và đôi bông tai trọng lượng 0,5 chỉ vàng 18k.

4/. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trương Ngọc T phải nộp số tiền là 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn L phải nộp số tiền là 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Buộc anh Trần Văn L phải nộp án phí số tiền là 1.230.500 đồng.

+ Buộc chị Trương Ngọc T phải nộp án phí số tiền là 1.300.000 đồng. Chị T đã dự nộp tạm ứng án phí 925.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005458 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí. Chị Trương Ngọc T còn phải nộp tiếp số tiền là 675.000 đồng.

Việc nộp án phí của các đương sự được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;*

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai có mặt nguyên đơn chị Trương Ngọc T và bị đơn anh Trần Văn L. Chị T và anh L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).